

Số: /QĐ-VTQG

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN quý I năm 2022 của Cục Viễn thám quốc gia

### CỤC TRƯỞNG CỤC VIỆN THÁM QUỐC GIA

*Căn cứ Quyết định số 1516/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Viễn thám quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán NSNN năm 2022;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch- Tài chính,*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2022 của Cục Viễn thám quốc gia (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Cục có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CỤC TRƯỞNG

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
  - Vụ Kế hoạch- Tài chính (để báo cáo);
  - Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KHTC

Nguyễn Quốc Khánh

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
CỤC VIỆN THẨM QUỐC GIA

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH  
QUÝ I- NĂM 2022**

(Kèm theo quyết định số /QĐ-VTQG ngày tháng 04 năm 2022  
của Cục Viễn thám quốc gia)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý 1/2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (%)	ước thực hiện so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>2.800</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>2.800</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí	2.800	0	0,0%	
	Phí sử dụng tư liệu viễn thám	2.800	0	0,0%	
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>1.250</b>	<b>0</b>	<b>0,0%</b>	
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế	1.250	0	0,0%	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.250	0	0,0%	
	Chi từ nguồn phí sử dụng tư liệu viễn thám	1.250		0,0%	
2.2	Chi quản lý hành chính				
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>1.550</b>	<b>0</b>	<b>0,0%</b>	
3.1	Các hoạt động kinh tế	1.550	0	0,0%	
	Nộp NSNN phí sử dụng tư liệu viễn thám	1550		0,0%	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>78.702</b>	<b>4.385</b>	<b>5,6%</b>	
	<i>Vốn trong nước</i>	<i>36.660</i>	<i>4.385</i>	<i>12,0%</i>	
	<i>Vốn nước ngoài</i>	<i>42.042</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>	
<b>I</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>5.469</b>	<b>1.090</b>	<b>19,9%</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn trong nước</b>	<b>5.469</b>	<b>1.090</b>	<b>19,9%</b>	
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>	<b>5.469</b>	<b>1.090</b>	<b>19,9%</b>	
a	Chi lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo lương	3.974	1.066	26,8%	
b	Chi thường xuyên theo định mức	1.495	24	1,6%	
b1	Chi thường xuyên theo biên chế công chức	1.350	24	1,8%	
b2	Chi thường xuyên bổ sung theo kế hoạch nhiệm vụ hằng năm	145	0	0,0%	
-	Thanh tra - Kiểm tra	85		0,0%	
-	Kinh phí xây dựng văn bản QPPL	60	0	0,0%	

+	<i>Thông tư ban hành định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia</i>	30		0,0%	
+	<i>Thông tư ban hành định mức kinh tế kỹ thuật thành lập bản đồ nhiệt độ bề mặt nước biển và bản đồ hàm lượng diệp lục bề mặt nước biển tỷ lệ 1: 500.000, 1:1.000.000 bằng dữ liệu viễn thám quang học độ phân giải thấp</i>	30		0,0%	
<b>1.2</b>	<b><i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i></b>				
<b>II</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học công nghệ</b>	<b>4.509</b>	<b>0</b>	<b>0,0%</b>	
<b>I</b>	<b>Vốn trong nước</b>	<b>4.509</b>	<b>0</b>	<b>0,0%</b>	
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ</b>	<b>4.130</b>	<b>0</b>	<b>0,0%</b>	
1.1.1	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
1.1.2	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	4.130	0	0,0%	
<i>a</i>	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>	2.930	0	0,0%	
-	SXTN.2020.08.01. Giám sát, kiểm soát hoạt động khai thác khoáng sản tại một số tỉnh trọng điểm phía Bắc bằng công nghệ kết hợp ảnh viễn thám và ảnh chụp từ thiết bị bay không người lái	1.224		0,0%	
-	TNMT.2020.08.02. Nghiên cứu ứng dụng BIG data - viễn thám trong giám sát ô nhiễm không khí từ các khu xử lý rác thải	850		0,0%	
-	SXTN.2020.08.03. Nghiên cứu ứng dụng dữ liệu viễn thám đa thời gian trong giám sát biến động hệ thực vật vùng ven biển (Vùng chuyển tiếp giữa lục địa và biển, bao gồm vùng biển ven bờ và vùng đất ven biển)	856		0,0%	
<i>b</i>	<i>Mở mới</i>	1.200	0	0,0%	
-	TNMT.2022.02.22. Nghiên cứu, xây dựng công nghệ trích xuất tự động thông tin bề mặt vùng ảnh hưởng của bão, ngập lụt, trượt lở đất đá, lũ bùn đá và lũ quét từ dữ liệu viễn thám phục vụ dự báo, cảnh báo thiên tai.	600		0,0%	
-	TNMT.2022.04.08. Nghiên cứu sử dụng Dữ liệu lớn (bigdata) và Học máy (Machine Learning) để xây dựng phương pháp tự động phân loại lớp phủ mặt đất phục vụ kiểm kê phát thải khí nhà kính quốc gia	600		0,0%	
1.1.3	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	0	0		
<i>a</i>	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>				
<i>b</i>	<i>Mở mới</i>				

<b>2.2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>379</b>	<b>0</b>	<b>0,0%</b>	
2.2.1	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	138	0	0,0%	
-	<i>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia xây dựng bộ dữ liệu tính toán phát thải các bon sử dụng tư liệu viễn thám</i>	138	0	0,0%	
2.2.2	Giải thưởng KH-CN	31	0	0,0%	
2.2.3	Hợp tác quốc tế về KH-CN	150	0	0,0%	
2.2.4	Quản lý hoạt động KH-CN	60		0,0%	
<b>III</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	<b>23.225</b>	<b>3.040</b>	<b>13,1%</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn trong nước</b>	<b>23.225</b>	<b>3.040</b>	<b>13,1%</b>	
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>676</b>	<b>0</b>	<b>0,0%</b>	
<b>1.1.1</b>	<b>Điều tra cơ bản</b>	<b>676</b>	<b>0</b>	<b>0,0%</b>	
a	Nhiệm vụ chính phủ				
b	Nhiệm vụ chuyên môn hàng năm	676	0	0,0%	
-	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>	676	0	0,0%	
+	Theo dõi, giám sát một số loại hình sử dụng đất bằng công nghệ viễn thám	676		0,0%	
-	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>	0	0		
<b>1.1.2</b>	<b>Các hoạt động khác</b>				
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>22.549</b>	<b>3.040</b>	<b>13,5%</b>	
<b>1.2.1</b>	<b>Điều tra cơ bản</b>	<b>4.380</b>	<b>780</b>	<b>17,8%</b>	
a	Nhiệm vụ Chính phủ	0	0		
b	Nhiệm vụ chuyên môn hàng năm	4.380	780	17,8%	
-	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>	4.380	780	17,8%	
+	Xây dựng cơ sở Dữ liệu Viễn thám quốc gia	4.371	780	17,8%	
+	Theo dõi, giám sát một số loại hình sử dụng đất bằng công nghệ viễn thám	9		0,0%	
-	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>	0	0		
<b>1.2.2</b>	<b>Các hoạt động khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
<b>1.2.3</b>	<b>Nhiệm vụ đặc thù</b>	<b>18.169</b>	<b>2.260</b>	<b>12,4%</b>	
-	Bảo trì trạm thu dữ liệu viễn thám	7.386		0,0%	
-	Đề án ứng dụng viễn thám giám sát thường xuyên phục vụ các lĩnh vực thuộc Bộ TNMT	10.483	2.260	21,6%	
-	Đề án đặc thù: " Thông tin quản lý nhà nước về hoạt động viễn thám"	300		0,0%	

<b>1.2.4</b>	<b>Mua sắm, sửa chữa</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
-	Mua trang thiết bị làm việc				
<b>IV</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	<b>45.499</b>	<b>255</b>	<b>0,6%</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn trong nước</b>	<b>3.457</b>	<b>255</b>	<b>7,4%</b>	
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>435</b>	<b>0</b>	<b>0,0%</b>	
1.1.1	Nhiệm vụ chuyên môn hàng năm	435	0	0,0%	
<i>b</i>	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>	435	0	0,0%	
-	Dự án "Xây dựng hệ thống thông tin đa thời gian về đất ngập nước và khu bảo tồn thiên nhiên bằng công nghệ viễn thám phục vụ công tác bảo tồn đa dạng sinh học"	435	0	0,0%	
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>3.022</b>	<b>255</b>	<b>8,4%</b>	
1.2.1	Nhiệm vụ chuyên môn hàng năm	2.522	255	10,1%	
<i>a</i>	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>	2.522	255	10,1%	
-	Dự án "Xây dựng hệ thống thông tin đa thời gian về đất ngập nước và khu bảo tồn thiên nhiên bằng công nghệ viễn thám phục vụ công tác bảo tồn đa dạng sinh học"	2.522	255	10,1%	
1.2.2	Các hoạt động khác	500	0	0,0%	
<i>a</i>	<i>Vốn đối ứng</i>	500	0	0,0%	
-	Thiết lập và triển khai Hệ thống thông tin địa lý về Tính dễ tổn thương Do biến đổi khí hậu, Đánh giá rủi ro và Giám sát môi trường cho Việt Nam dựa trên Công nghệ viễn thám	500	0	0,0%	
<b>2</b>	<b>Vốn nước ngoài</b>	<b>42.042</b>	<b>0</b>	<b>0,0%</b>	
<b>2.1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>42.042</b>	<b>0</b>	<b>0,0%</b>	
<i>a</i>	<i>Vốn viện trợ</i>	42.042	0	0,0%	
-	Thiết lập và triển khai Hệ thống thông tin địa lý về Tính dễ tổn thương Do biến đổi khí hậu, Đánh giá rủi ro và Giám sát môi trường cho Việt Nam dựa trên Công nghệ viễn thám	42.042	0	0,0%	

*Ghi chú: Nguồn quản lý hành chính, dự toán chi lương và các khoản đóng góp theo lương 3.974 triệu, bao gồm 3.919 triệu dự toán được giao năm 2022 và 54,7 triệu dự toán từ năm 2021 chuyển sang.*